

Bản án số: 16/2019/HS-ST

Ngày 25-7-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Bình.
2. Bà Lê Hoàng Ngân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Thùy Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ tham gia phiên tòa:** Ông Trần Nhật Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2019/TLST – HS ngày 17 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

- **Nguyễn Quang B**, tên gọi khác: Đ, sinh ngày 07/11/1988 tại Quảng Trị; nơi cư trú: Thôn P, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Thợ cơ khí; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang D và bà Nguyễn Thị N (đã chết); có vợ là Bùi Thị T, có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2019, có mặt tại phiên tòa.

- **Bùi Thị T**, sinh ngày 02/01/1991 tại Quảng Trị; nơi cư trú: Thôn P, xã A, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Duy T và bà Ngô Thị L; có chồng là Nguyễn Quang B, có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/3/2019 đến ngày 07/3/2019, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 2001, vắng mặt;
- Anh Nguyễn Quang K, sinh năm 1993, có mặt;
- Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1990, vắng mặt;
- Anh Nguyễn Hưng P, sinh năm 1973, vắng mặt,
Cùng địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 01/3/2019, Nguyễn Quang B nhận được cuộc điện thoại của người đàn ông tên thường gọi là “Quang” (không rõ lai lịch) hỏi có nhu cầu mua ma túy không, B trả lời có và đồng ý mua 50 viên với giá 2.700.000 đồng nhằm mục đích bán lại cho người khác. Khoảng 11 giờ cùng ngày, B điều khiển xe máy biển kiểm soát 74G1-123.02 đến điểm hẹn tại cầu Sông Hiếu. B giao tiền, “Quang” đưa cho B một vỏ bao thuốc lá hiệu White Horse bên trong có chứa 50 viên ma túy như đã thỏa thuận. Đến khoảng 11 giờ 30 phút, khi qua khỏi ngã ba giao nhau giữa đường mới nối Quốc lộ 9 và đường tránh Bắc Đông Hà, thuộc địa phận thôn P, xã T thì bị lực lượng Công an huyện L yêu cầu dừng xe để kiểm tra, B dừng xe đồng thời ném vỏ bao thuốc có chứa 50 viên ma túy đang cầm trên tay xuống bên phải cạnh xe máy thì bị bắt quả tang.

Cùng ngày, cơ quan điều tra Công an huyện L tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của B ở thôn P, xã A thì phát hiện và thu giữ trên người Bùi Thị T (vợ của B) 15 viên ma túy. T khai nhận ngày 28/02/2019 có nhìn thấy B mua ma túy về sử dụng và cất giấu ở bình gas trong bếp, khi thấy Công an khám xét nhà, sợ hành vi sử dụng ma túy của chồng bị phát hiện nên đã lấy cất giấu vào trong áo ngực.

Quá trình điều tra xác định thêm ngày 20 hoặc 21/02/2019, Nguyễn Quang B mua 25 viên ma túy của người đàn ông không xác định lai lịch với giá 1.500.000 đồng, B sử dụng 1 viên, bán cho nhiều người khác 9 viên, cụ thể:

- Ngày 23 và 24/02/2019, bán cho Nguyễn Quang H mỗi lần 01 viên ma túy với giá 200.000 đồng.

- Ngày 26 và 28/02/2019, bán cho Nguyễn Văn C mỗi lần 01 viên ma túy với giá 200.000 đồng, bán cho Nguyễn Quang K mỗi lần 02 viên ma túy với giá 400.000 đồng.

- Ngày 27/02/2019, bán cho Nguyễn Hưng P 01 viên ma túy với giá 100.000 đồng.

15 viên còn lại B cất giấu ở bình gas trong bếp, sau đó đã bị cơ quan điều tra thu giữ trên người Bùi Thị T.

Tại bản kết luận giám định số 266/KĐGD ngày 06/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị kết luận: 50 viên nén màu hồng được niêm phong trong phong bì ký hiệu MT1 gửi đến giám định có khối lượng 5,0155g là ma túy loại Methamphetamine; 15 viên nén màu hồng được niêm phong trong phong bì ký hiệu MT2 gửi đến giám định có khối lượng 1,5016g là ma túy loại Methamphetamine.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 323 Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Tại Bản cáo trạng số 20/CT-VKSCL ngày 17/6/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ truy tố Nguyễn Quang B tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự 2015(sửa đổi, bổ sung năm

2017) và Bùi Thị T tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang B phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo Bùi Thị T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

- Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt Nguyễn Quang B từ 8 năm đến 8 năm 6 tháng tù;

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt Bùi Thị T từ 18 tháng đến 21 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi;

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy đã thu giữ, vỏ bảo thuốc lá hiệu White Horse; sim điện thoại thu giữ trong vụ án;

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước xe máy nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 74G1-123.02, điện thoại di động OPPO 1201.

- Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và khung hình phạt:

Tại phiên tòa, Nguyễn Quang B, Bùi Thị T khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện, nội dung lời khai phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có căn cứ khẳng định ngày 01/3/2019, Nguyễn Quang B thực hiện hành vi mua 50 viên ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 5,0155g nhằm mục đích bán kiếm lời. Trước đó, trong tháng 2/2019, B mua 25 viên ma túy loại Methamphetamine để sử dụng và bán cho Nguyễn Quang H 02 lần 02 viên, Nguyễn Văn C 02 lần 02 viên, Nguyễn Quang K 02 lần 04 viên, Nguyễn Hưng P 01 lần 01 viên, giá bán 100.000 đồng/viên. Bùi Thị T thực hiện hành vi tàng trữ 15 viên ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 1,5016g trong người nhằm mục đích tránh bị phát hiện về việc sử dụng ma túy của chồng.

Hành vi của Nguyễn Quang B cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với 02 tình tiết tăng nặng định khung “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Methamphetamine có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam” theo điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự quy định hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

Hành vi của Bùi Thị T đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Tình tiết tăng nặng: Không.

Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, riêng đối với Nguyễn Quang B áp dụng thêm điểm r (do bị cáo tự thú khai ra lần mua, bán ma túy trước đó) giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[3] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Đối với Nguyễn Quang B: Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Bị cáo nhận thức được ma túy là chất gây nghiện vô cùng nguy hiểm, gây tác hại rất xấu đến bản thân, gia đình và xã hội nhưng vẫn sử dụng và để có ma túy sử dụng bị cáo đã mua bán ma túy cho nhiều người, làm gia tăng các tệ nạn xã hội, gây mất trật tự trị an. Mặc dù có xét đến các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo nhưng với mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra cần xử phạt bị cáo trên mức khởi điểm hình phạt tù quy định tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Đối với Bùi Thị T: Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm tới chính sách, quy định của Nhà nước trong việc quản lý, cất giữ chất ma túy. Bị cáo nhận thức được ma túy là chất gây nghiện nguy hiểm, gây tác hại đến sức khỏe, nhưng vẫn tàng trữ ma túy nhằm cản trở sự phát hiện của cơ quan Công an về việc chôn giấu sử dụng ma túy, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, cần xử phạt nghiêm khắc, phải xử phạt bị cáo trên mức khởi điểm hình phạt tù quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Bị cáo T nhất thời phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có chồng là Nguyễn Quang B bị xét xử với khung hình phạt từ 7 đến 15 năm tù nên cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo T được hưởng án treo tạo điều kiện để bị cáo lao động, chăm nuôi 2 con còn nhỏ.

[4] Về xử lý vật chứng:

Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại cho các chủ sở hữu các tài sản và tiền bị tạm giữ. Việc xử lý có căn cứ, đúng pháp luật.

Vật chứng còn lại gồm:

- Ma túy còn lại sau giám định là vật cấm tàng trữ, cần tịch thu, tiêu hủy.
- Xe máy nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 74G1-123.02; điện thoại di động OPPO 1201 là tài sản của Nguyễn Quang B, B đã dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.
- Vỏ bảo thuốc lá hiệu White Horse, sim Vinaphone, sim Viettel dùng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy.

[5] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có khiếu nại gì.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Quang B** phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo **Bùi Thị T** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”:

- Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251, điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Quang B 08 năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 01/3/2019;

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1,2 Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Bùi Thị T 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Bùi Thị T cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì có thể bị Tòa án buộc chấp hành hình phạt tù của bản án này.

- Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

+ Tịch thu và tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong ký hiệu MT36 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị, 01 vỏ bảo thuốc lá ngựa hiệu White Horse, 01 thẻ sim Vinaphone, 01 thẻ sim Viettel;

+ Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 74G1-123.02; 01 điện thoại di động OPPO 1201.

(Các vật, tài sản nêu trên hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Quảng Trị theo biên bản giao nhận ngày 11/7/2019).

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Bị cáo Nguyễn Quang B, Bùi Thị T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND huyện L;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đàn